

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **498/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-7-2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Bảo Châu
2. Ông Đỗ Thanh Hiền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đàm Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: ấp VT, xã BN, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn: Anh **Phạm Phan Quốc Q**, sinh năm: 2000;

Địa chỉ: ấp TT, xã DH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị H, vắng mặt anh Q)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H trình bày:**

Chị và anh Phạm Phan Quốc Q cưới nhau do quen biết và có thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang năm 2020.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Q không chịu làm ăn, đánh đập chị nhiều lần, anh Q còn sử dụng chất kích thích, vợ chồng thường

xuyên cãi vã, chị có cho anh Q cơ hội để anh tu chí làm ăn nhưng anh Q không thay đổi, đã nhiều lần như vậy nên chị đã quá thất vọng và không còn niềm tin vào anh Q.

Hiện tại do bất đồng quan điểm sống quá nhiều, vợ chồng ly thân 6/2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Dù anh chị đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể sống chung với nhau, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Phạm Phan Quốc Q.
2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Trần An N, sinh ngày 15/5/2019; Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Vì chị có công việc ổn định hơn và cháu bé là cháu gái nên chị sẽ chăm sóc tốt hơn anh Q.
3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Phạm Phan Quốc Q trình bày:**

Anh thống nhất với chị H về quá trình kết hôn, nguyên nhân và thời gian mâu thuẫn. Quá trình chung sống, anh và chị H do mâu thuẫn nên có đánh nhau, trước đây anh không lo làm ăn nhưng từ khi chị H bỏ đi thì anh đã thấy bản thân sai và hiện đang khắc phục, sửa chữa bản thân để chị H quay về với anh, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Anh nghĩ lý do chị H cương quyết ly hôn là do chị H có quan hệ tình cảm với người khác và mâu thuẫn với gia đình hai bên.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, anh có ý kiến:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Ngọc H vì anh còn thương vợ và muốn bù đắp những tổn thương đã gây ra cho Hân.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Trần An N, sinh ngày 15/5/2019; Nếu tòa giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì hiện con đang sống với anh, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H và anh Phạm Phan Quốc Q, về con chung: Giao

con chung tên Phạm Trần An N cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – anh Phạm Phan Quốc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Phạm Phan Quốc Q tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 18/9/2020. Chị H và anh Q có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Phạm Phan Quốc Q là hợp pháp.

[2.1.1] Chị H và anh Q phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2021 đã hàn gắn nhưng không thành nên hiện tại không còn quan tâm chăm sóc nhau và đã ly thân nhau từ tháng 6/2021 đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn anh Q, anh Q không đồng ý ly hôn. Qua quá trình xác minh tại gia đình và địa phương, xét thấy quan hệ hôn nhân quá trình chung sống thường xuyên cãi vã, ghen tuông và đánh nhau dù đã được gia đình hàn gắn nhưng không thể hòa hợp, hiện tại hai anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2021 và mỗi người đang sống một nơi, hiện tại vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Phạm Phan Quốc Q có 01 con chung tên Phạm Trần An N, sinh ngày 15/5/2019, hiện cháu An N sống chung với anh Q và gia đình tại ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Chị H và anh Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Qua xác minh, cháu An N đang được anh Q và gia đình chăm sóc tốt, anh Q hiện đang đi làm công nhân với mức thu nhập ổn định, được sự hỗ trợ chăm sóc của gia đình anh Q. Từ sau khi chị H và anh Q ly thân và mỗi người sống một nơi, anh Q là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt cho cháu An N, hiện sức khỏe cháu ổn định, bình thường và được anh Q và gia đình anh Q trực tiếp chăm lo sinh hoạt cháu An N ổn định. Thời gian anh Q làm công nhân là giờ hành chính nên anh Q cũng có thời gian chăm sóc con. Chị H cũng thừa nhận cháu An N hiện nay đang được chăm sóc tốt, sức khỏe của cháu bình thường. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chỉ cho rằng trường hợp giao con cho chị nuôi thì chị sẽ về quê ở huyện Gò Công Đông để mở cửa hàng làm nail (làm móng tay, chân), tuy nhiên điều kiện này chị chưa thực hiện được mà hiện tại chị H đang làm nhân viên nhà hàng tiệc cưới, phải thuê nhà trọ ở thành phố Tân An, tỉnh Long An để sinh hoạt nên điều kiện chăm sóc con sẽ hạn chế hơn so với anh Q. Mặt khác, chị H cũng thừa nhận sức khỏe hiện nay của cháu vẫn ổn định bình thường, gia đình chồng cũng tạo điều

kiện cho chị thăm cháu. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và phát triển bình thường của cháu An N, Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phạm Phan Quốc Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trần An N, sinh ngày 15/5/2019 cho anh Phạm Phan Quốc Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu.

Chị Trần Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Trần Thị Ngọc H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003605 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên đã nộp xong.

3. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H. Châu Thành-TG;
- THADS H. Châu Thành-TG;
- UBND xã Đông Hòa-H.Châu Thành-TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Mai Thanh